

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Thiết kế đồ họa
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Thiết kế đồ họa
Tên Tiếng Anh : Graphic design
Loại hình đào tạo : Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số : 52210403

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 147./QĐ – ĐT, ngày 09 tháng 6 năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Đào tạo sinh viên tốt nghiệp có trình độ Đại học có đủ kiến thức cơ bản, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức chính trị, sức khỏe, có khả năng thiết kế sáng tác những tác phẩm đồ họa hai chiều với chức danh là nhà thiết kế đồ họa (Graphic Designer), đồng thời có thể làm một số công việc như là nhà thiết kế quảng cáo (Advertising Designer).
- Nắm vững kiến thức khoa học có hệ thống ở trình độ đại học về Thiết kế Đồ họa, bao gồm các kiến thức về khoa học xã hội – nhân văn, ngoại ngữ, Đồ họa truyền thống và Đồ họa ứng dụng hiện đại. Có khả năng và trình độ để sáng tác, thiết kế các sản phẩm, tác phẩm về đồ họa hai chiều trong lĩnh vực thiết kế đồ họa (Graphic design).
- Có kiến thức về tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa, thành thạo các phần mềm Đồ họa (Corel Draw, Photoshop, Illustrator...) để ứng dụng trong thiết kế Đồ họa.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ Toeic 450 về tiếng Anh hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương; chứng chỉ B về tin học.

1.2. Kỹ năng

- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và tự đào tạo;
- Giao tiếp và làm việc nhóm, làm việc độc lập;
- Phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn của ngành học;
- Kỹ năng mềm:
 - Có khả năng tư duy, phát triển, thể hiện ý tưởng bằng ngôn ngữ đồ họa;
 - Có khả năng thành thạo thiết kế các sản phẩm về đồ họa ứng dụng như: logo, biểu tượng, hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP), bao bì, thiết kế bìa, sách báo, tạp chí, tranh cổ động, tem, bưu thiếp, lịch, web, thiết kế không gian lễ hội, trình bày triển lãm, hội chợ.

1.3. Thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế Đồ họa là họa sĩ thiết kế, có thể tham gia công tác tại các cơ quan báo chí, truyền hình, nhà xuất bản, các công ty in ấn – quảng cáo, nhà máy, xí nghiệp sản xuất hàng hóa, hoặc hoạt động độc lập mở các công ty, doanh nghiệp chuyên về thiết kế đồ họa, hoặc tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo có chuyên ngành thiết kế đồ họa và hoạt động sáng tác về Mỹ thuật.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 154 tín chỉ (bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, với 12 kỳ, trong đó 10 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.
- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM

- Thang điểm 10

- Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:
 - a. Loại đạt:
 - A – (8,5 -> 10): Giỏi.
 - B – (7 -> 8,4): Khá
 - C – (5,5 -> 6,9): Trung bình
 - D – (4 -> 5,4): Trung bình yếu.
 - b. Loại không đạt:
 - F – (dưới 4): Kém.
- Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):
 - A tương ứng với 4.
 - B tương ứng với 3.
 - C tương ứng với 2.
 - D tương ứng với 1.
 - F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 44 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn nghệ thuật: 4 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
6	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
8	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
9	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
10	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
11	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
12	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
13	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
14	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	24	240	240	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
15	070405	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
16	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	070405(a)
17	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	
		Tổng	6	30	120	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
18	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
19	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 110 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 31 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 25 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
20	070536	Cơ sở tạo hình 1	2	30	0	
21	071940	Cơ sở tạo hình 1 - TH	2	0	60	
22	070537	Cơ sở tạo hình 2	3	15	60	070536(a)
23	070534	Hình họa 1	4	30	60	
24	070535	Hình họa 2	4	30	60	070534(a)
25	070538	Lịch sử Mỹ thuật	4	60	0	

26	070539	Mỹ học đại cương	3	45	0	
27	070570	Vẽ kỹ thuật - phối cảnh	3	30	30	
		Tổng	25	240	270	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
28	070542	Cơ sở Tin học chuyên ngành	3	15	60	
29	070541	Kỹ thuật Hội hoạ	3	15	60	
30	070540	Kỹ thuật Đồ hoạ	3	15	60	
31	070543	Mỹ Thuật học	3	45	0	
32	070544	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	3	30	30	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 65 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 59 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
33	070547	Cơ sở tạo hình 3	4	30	60	070537(a)
34	070545	Hình hoạ 3	4	30	60	070535(a)
35	070546	Hình hoạ 4	5	30	90	070545(a)
36	070564	Kỹ thuật In chuyên ngành	3	15	60	
37	070553	Nghệ thuật chữ	4	30	60	
38	070552	Nhiếp ảnh	4	30	60	
39	070562	Thiết kế Catalogue & Brochure	3	15	60	
40	070555	Thiết kế Poster	4	30	60	
41	070554	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí	4	30	60	070551(a)
42	070557	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)	5	30	90	
43	070558	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm	4	30	60	
44	070548	Tin học chuyên ngành 1	3	15	60	
45	070549	Tin học chuyên ngành 2	3	15	60	
46	070550	Tin học chuyên ngành 3	3	15	60	070549(a)
47	070551	Tin học chuyên ngành 4	3	15	60	
48	070563	Ý tưởng thiết kế	3	15	60	
		Tổng	59	375	1020	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
49	070571	Kỹ thuật 3D - Căn bản	3	15	60	
50	070572	Kỹ thuật Xử lý hậu kỳ	3	15	60	

51	070561	Thiết kế & Minh họa sách	3	15	60	
52	070559	Thiết kế giao diện Web	3	15	60	
53	070565	Thiết kế Đồ Họa Phim quảng cáo -TVC	3	15	60	
54	070566	Thiết kế Đồ Họa truyền thông & Sự kiện công cộng	3	15	60	
55	070573	Viết kịch bản & Phân cảnh Quảng cáo	3	15	60	

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 14 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
56	070568	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
57	070569	Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	9	15	240	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
58	070574	Đồ án chuyên ngành - Portfolio	3	0	90	
59	070556	Thiết kế Lịch & Thiệp	3	15	60	
60	070560	Thiết kế Ảnh động	3	15	60	
		Tổng	14	15	390	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã số	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				12	135	90	
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
3	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
4	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
5	070534	Hình họa 1	0101070534	4	30	60	
Học kỳ 2				14	165	90	
Học phần bắt buộc				14	165	90	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070010(a)
2	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
3	070536	Cơ sở tạo hình 1	0101070536	2	30	0	
4	070538	Lịch sử Mỹ thuật	0101070538	4	60	0	
5	071940	Cơ sở tạo hình 1 - TH	0101071940	2	0	60	
Học kỳ 3				18	165	210	
Học phần bắt buộc				16	135	210	
1	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
3	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
4	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
5	070535	Hình họa 2	0101070535	4	30	60	070534(a)
6	070537	Cơ sở tạo hình 2	0101070537	3	15	60	070536(a)
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0101070006	2	30	0	
2	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
Học kỳ 4				14	120	180	
Học phần bắt buộc				11	105	120	
1	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
2	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
3	070539	Mỹ học đại cương	0101070539	3	45	0	
4	070570	Vẽ kỹ thuật - phối cảnh	0101070570	3	30	30	
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	070540	Kỹ thuật Đồ họa	0101070540	3	15	60	
2	070541	Kỹ thuật Hội họa	0101070541	3	15	60	
Học kỳ 5				16	135	210	
Học phần bắt buộc				13	120	150	
1	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0101070012	2	30	0	

2	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
3	070545	Hình hoạ 3	0101070545	4	30	60	070535(a)
4	070547	Cơ sở tạo hình 3	0101070547	4	30	60	070537(a)
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	070542	Cơ sở Tin học chuyên ngành	0101070542	3	15	60	
2	070543	Mỹ Thuật học	0101070543	3	45	0	
3	070544	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	0101070544	3	30	30	
Học kỳ 6				14	90	240	
Học phần bắt buộc				14	90	240	
1	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(a)
2	070546	Hình hoạ 4	0101070546	5	30	90	070545(a)
3	070548	Tin học chuyên ngành 1	0101070548	3	15	60	
4	070549	Tin học chuyên ngành 2	0101070549	3	15	60	
Học kỳ 7				17	120	270	
Học phần bắt buộc				17	120	270	
1	001799	TOEIC 5	0101001799	3	30	30	070412(a)
2	070550	Tin học chuyên ngành 3	0101070550	3	15	60	070549(a)
3	070551	Tin học chuyên ngành 4	0101070551	3	15	60	
4	070552	Nhiếp ảnh	0101070552	4	30	60	
5	070553	Nghệ thuật chữ	0101070553	4	30	60	
Học kỳ 8				13	90	210	
Học phần bắt buộc				13	90	210	
1	070555	Thiết kế Poster	0101070555	4	30	60	
2	070563	Ý tưởng thiết kế	0101070563	3	15	60	
3	070564	Kỹ thuật In chuyên ngành	0101070564	3	15	60	
4	071104	TOEIC 6	0101071104	3	30	30	001799(a)
Học kỳ 9				10	60	180	
Học phần bắt buộc				7	45	120	
1	070558	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm	0101070558	4	30	60	
2	070562	Thiết kế Catalogue & Brochure	0101070562	3	15	60	
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	070559	Thiết kế giao diện Web	0101070559	3	15	60	
2	070561	Thiết kế & Minh họa sách	0101070561	3	15	60	
3	070565	Thiết kế Đồ Họa Phim quảng cáo -TVC	0101070565	3	15	60	
Học kỳ 10				7	45	120	
Học phần bắt buộc				4	30	60	
1	070554	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí	0101070554	4	30	60	070551(a)
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	070566	Thiết kế Đồ Họa truyền thông & Sự kiện công cộng	0101070566	3	15	60	
2	070571	Kỹ thuật 3D - Căn bản	0101070571	3	15	60	
3	070572	Kỹ thuật Xử lý hậu kỳ	0101070572	3	15	60	
4	070573	Viết kịch bản & Phân cảnh Quảng cáo	0101070573	3	15	60	
Học kỳ 11				10	30	240	

Học phần bắt buộc				10	30	240	
1	070557	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)	0101070557	5	30	90	
2	070568	Thực tập tốt nghiệp	0101070568	5	0	150	
Học kỳ 12				9	15	240	
Học phần bắt buộc				9	15	240	
1	070556	Thiết kế Lịch & Thiệp	0101070556	3	15	60	
2	070560	Thiết kế Ảnh động	0101070560	3	15	60	
3	070569	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	0101070569	9	15	240	
4	070574	Đồ án chuyên ngành - Portfolio	0101070574	3	0	90	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp

luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương - Chương 1: Đại cương về logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Suy luận - Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện - Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học

phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị kiến thức căn bản về tư duy nhận thức khoa học và tư duy sáng tạo trong quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và tự học tập suốt đời cho sinh viên lập nghiệp; Nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện và sử dụng có hiệu quả hệ thống phương pháp NCKH để bảo vệ thành công đề tài công trình NCKH, thực hiện bài tập nhóm, tiểu luận khoa học, báo cáo thực tập khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, đồ án tốt nghiệp, bài báo khoa học. Đồng thời giúp sinh viên biết chủ động thực hiện các kỹ năng quan sát, phát hiện vấn đề khoa học, các mâu thuẫn, khó khăn trong thực tiễn và biết tự phân tích xử lý tìm biện pháp, giải pháp giải quyết và ra quyết định mang tính khả thi, khả dụng trong quá trình chuyển giao ứng dụng công nghệ NCKH vào thực tiễn.

Cơ sở tạo hình 1: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trình bày các phương pháp ghi chép hoa lá, động vật tự nhiên. Rèn luyện các kỹ năng bằng thủ pháp kỹ thuật tạo hình. Nghiên cứu cấu trúc từ thiên nhiên, chất lọc các đặc điểm của mẫu vào bài. Có khả năng diễn tả mẫu bằng nét và mảng. Nắm vững các hòa sắc

căn bản của thiên nhiên. Hiểu nguyên lý tạo hình của thiên nhiên. Sử dụng thành thạo các công cụ vẽ.

Cơ sở tạo hình 2: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cơ sở tạo hình 1)

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các nguyên lý cơ bản của trang trí (Sự lặp đi lặp lại, sự xen kẽ, sự đảo ngược, sự chồng hình, sự bung tỏa, sự đăng đối đối xứng, sự đan chéo, sự song song song đôi nhau) và các quy luật cơ bản về phương pháp bố cục trang trí như quy luật về sự hòa hợp, quy luật về sự thăng bằng cùng các sơ đồ bố cục....

Cơ sở tạo hình 3: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cơ sở tạo hình 2)

Nội dung: học trang bị phương pháp và kiến thức cơ bản về quy trình, phương pháp sáng tạo họa tiết, ý thức về phương pháp sáng tác nghệ thuật đi từ nghiên cứu thực tế khách quan đến sáng tạo theo tư duy của người nghệ sỹ; Phương pháp cách điệu và sáng tạo các họa tiết dựa trên sự nghiên cứu động vật và con người.

Hình họa 1: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Quy trình, phương pháp nghiên cứu, diễn tả đối tượng từ hình khối cơ bản đến phức tạp. Giúp sinh viên: Nắm được phương pháp dựng hình, phương pháp diễn khối, phương pháp tả chất và không gian; Nắm vững kỹ năng vẽ chì, tả thực các khối cơ bản tĩnh vật; Bước đầu nắm được tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người; Nắm được phương pháp sử dụng màu nước.

Hình họa 2: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình họa 1)

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan sát, phân tích, phát hiện , diễn tả chân dung người mẫu. Trang bị khả năng nắm bắt đặc điểm, tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người, định vị đúng các đường trục , vị trí , hình dáng các bộ phận trên khuôn mặt. Nâng cao khả năng sử dụng màu trong diễn tả chân dung người.

Hình họa 3: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình họa 2)

Nội dung: trang bị cho sinh viên phương pháp vẽ nghiên cứu bán thân nam và nữ, đồng thời nắm vững về tương quan tỷ lệ, cấu trúc cơ thể học, các cơ xương cổ, cơ xương vùng ngực, các cơ lưng, các cơ xương hông, các cơ xương cánh tay, cổ tay, các đặc điểm về giới tính, lứa tuổi và kỹ năng vẽ bút chì, bút sắt, màu nước.

Hình họa 4: 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình họa 3)

Nội dung: Giới thiệu giải phẫu cơ thể người như tỷ lệ giữa các bộ phận trên cơ thể người, bộ khung xương, hệ thống các cơ và sự chuyển động của các xương cơ theo từng động tác của con người. Diễn giải cách xây dựng hình toàn thân, cách diễn tả chất , không gian và sự hòa hợp màu sắc.

Lịch sử mỹ thuật: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung của lịch sử nghệ thuật Việt Nam và thế giới trong quá trình hình thành, phát triển của nền văn minh nhân loại từ thời nguyên thủy đến nay, giúp sinh viên rõ hơn về toàn bộ hoạt động nghệ thuật trong bối cảnh chính trị văn hóa xã hội của từng giai đoạn lịch sử và phong cách, những trường phái sáng tạo của những nghệ sĩ thông qua các tác phẩm tiêu biểu.

Mỹ học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về Mỹ học, giúp người học có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.

Vẽ kỹ thuật - phối cảnh : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp những kiến thức cơ bản về luật phối cảnh và phương pháp biểu hiện không gian trên mặt phẳng và những kiến thức cơ bản về phương pháp đo đạc, cách rút tỷ lệ, kỹ thuật vẽ các bản vẽ kiến trúc như: mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng và bản vẽ cấu tạo. Thông qua đó, sinh viên có cái nhìn chính xác, khoa học trong không gian tự nhiên cũng như không gian của các tác phẩm, tạo điều kiện để sinh viên học tốt môn học sáng tác cũng như các môn học khác.

Cơ sở tin học chuyên ngành: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm đồ họa Corel Draw là một chương trình phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các tác vụ làm việc. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao.

Kỹ thuật hội họa: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất tập trung giới thiệu tầm quan trọng của các kỹ thuật chất liệu và sự phát triển chất liệu kỹ thuật trong nghệ thuật tạo hình, giới thiệu các chất liệu kỹ thuật cơ bản của hội họa, giới thiệu tính chất vật lý, hóa học của sơn dầu, phương pháp vẽ sơn dầu.

Phần thứ hai sinh viên thực hành vẽ 3 bài màu sơn dầu.

Kỹ thuật đồ họa: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất tập trung giới thiệu các chất liệu kỹ thuật đồ họa, sau đó tập trung vào giới thiệu chất liệu kỹ thuật khắc gỗ vì đây là chất liệu nguyên thủy, căn bản để ứng dụng nhất của đồ họa

Phần thứ hai là phần thực hành, sinh viên tiến hành một số bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Mỹ thuật học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

Nguyên lý thiết kế đồ họa: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

Kỹ thuật in chuyên ngành: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp đầy đủ các phương pháp và kiến thức cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật in ấn. Tạo dựng khái niệm giữa phương pháp thiết kế với ý tưởng tạo hình và thủ thuật xuất file, định dạng đuôi cho tài liệu cũng như các cách thức thực hiện hoàn hảo một thiết kế từ lúc thiết kế đến khi in thành phẩm.

Nâng cao tính sáng tạo trong tư duy thiết kế và phân tích những khía cạnh khác nhau của kỹ thuật in chuyên ngành (khác biệt với chế bản in) nhằm tạo tính hoàn mỹ tối đa cho mẫu thiết kế.

Nghệ thuật chữ: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giảng dạy về Typography hay còn gọi là nghệ thuật sáng tác thiết kế chữ. Cung cấp các thông tin về các đặc trưng về lịch sử ra đời của các kiểu chữ, về kỹ thuật in, cách nghiên cứu cấu trúc, kiểu dáng, phong cách, tinh thần của kiểu chữ. Đặc biệt là nhận diện được các khoảng đặc, rộng, âm dương, nhịp điệu trong các con chữ, để từ đó phục vụ tốt cho việc thiết kế logo, biểu tượng bằng chữ. Trang bị kiến thức và vai trò thẩm mỹ của các mẫu chữ viết tay đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.

Nhiếp ảnh: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị kiến thức và vai trò thẩm mỹ của môn nghệ thuật nhiếp ảnh đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Trên cơ sở đó sinh viên hiểu được vai trò và tiếng nói của nhiếp ảnh KTS, sử dụng ống kính, dùng phòng tối, xử lý ảnh màu và đen trắng....

Thiết kế Catalogue và Brochure: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Vai trò truyền thông quan trọng của Catalogue, Brochure, Flyer, Leaflet và sự khác biệt giữa chúng. Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho thật sự phù hợp, đảm bảo thông tin cho qua trình tới tay người xem. Biết cách nâng cao hiệu quả thị giác của các thành tố trong thiết kế và cùng với phong cách thiết kế tạo sự thành công cho sản phẩm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ

bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế Poster: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phối hợp tốt trong việc chốt lọc hình và mảng để phối hợp với ngôn ngữ chữ viết. Nhận biết sự khác nhau trong các loại poster khác nhau. Tạo tính tư duy sáng tạo với việc vận dụng hình ảnh cô đọng và hiệu quả nhất có thể. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa quảng cáo, cổ động. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học chuyên ngành 4)

Nội dung: Khái niệm về Nghệ thuật truyền thông: Định nghĩa thuật ngữ thiết kế đồ họa cho báo-tạp chí, cùng các thuật ngữ liên quan; Vai trò của báo – tạp chí trong nhiều lĩnh vực xã hội. Các thành phần của một tờ báo: cấu trúc, phong cách, lĩnh vực thông tin truyền bá...

Quy trình và phương pháp thiết kế minh họa cho báo và tạp chí cùng các tiêu chí đánh giá. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế đồ báo chí. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP): 5 (30, 90, 105)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những nhận thức cơ bản về các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo, biểu tượng, ký hiệu, huy hiệu, phù hiệu, linh vật... Trang bị cho sinh viên biết phương pháp, quy trình nghiên cứu, thiết kế các loại logo, biểu tượng. Biết khái niệm về hệ thống nhận diện thương hiệu (Corporate Identity System = CI hay Corporate Identity Programs = CIP), hệ thống nhận diện sản phẩm (Brand Identity = BI) và vai trò của nó trong đời sống kinh tế, thương mại. Biết thiết kế toàn bộ hệ thống giấy tờ văn phòng từ: Logo, giấy viết thư (Letterhead), danh thiếp (Name card), bao thư (Envelop), biểu mẫu cho Fax... Trang bị cho sinh viên biết cách thiết lập một bộ hồ sơ thiết kế hệ thống CIP.

Hệ thống nhận diện thương hiệu là hệ thống chuẩn mực bằng hình ảnh, kích thước, nguyên tắc sử dụng Logo, Slogan, các hạng mục văn phòng, quan hệ công chúng, thương mại điện tử, đồ họa ngoài trời... trên tất cả các công cụ liên quan bên trong và ngoài doanh nghiệp. Hệ thống nhận diện thương hiệu phải đảm bảo tính thống nhất dựa trên ý tưởng được sử dụng xuyên suốt toàn bộ hệ thống..

Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên thực hiện các bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về các loại bao bì, thể loại hộp đựng... theo kiểu dáng hiện đại, đi cùng nhãn mác của bao bì và phần thể tích của

bao đựng. Sinh viên phải thể hiện đầy đủ thông tin về hình ảnh, chữ mà các loại bao bì phải có. Các bài thực tập có kích thước và thành phẩm hoàn toàn như thật.

Tin học chuyên ngành 1: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm đồ họa Adobe Illustrator đang trở thành một chương trình ngày càng phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các tác vụ làm việc. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được các hình vẽ từ đơn giản đến phức tạp. Đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in.

Tin học chuyên ngành 2: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm xử lý ảnh Adobe Photoshop từ lâu đã trở thành một chương trình vượt trội so với rất nhiều các chương trình xử lý ảnh khác. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ này và sẽ có khả năng sáng tạo ra các bức tranh kỹ thuật số. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được việc chỉnh sửa hoặc thay đổi các chi tiết xấu trong một bức hình từ đơn giản đến phức tạp đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in. Thiết kế được Web Layout.

Tin học chuyên ngành 3: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành cơ bản ở Học phần Vi Tính Chuyên Ngành 2, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ này và sẽ có khả năng sáng tạo ra các bức tranh kỹ thuật số. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được việc chỉnh sửa hoặc thay đổi các chi tiết xấu trong một bức hình từ đơn giản đến phức tạp. Đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in.

Tin học chuyên ngành 4: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: mặc dù mới xuất hiện trong vài năm gần đây nhưng Adobe Indesign đã thực sự thu hút phần lớn những nhà thiết kế trong lĩnh vực Layout bởi tính thân thiện, dễ sử dụng và khả năng mở rộng của các công cụ. Adobe Indesign kế thừa các đặc tính công cụ và phương pháp kết hợp hình học (Pathfinder)... của Adobe Illustrator. Chúng ta có thể nhập các định dạng khác như nhập một file đã được layout bên Microsoft Word, hay một file PDF nhiều trang vào Indesign... Ngoài ra Indesign còn có nhiều cái mới được tích hợp qua các Scripts được lập trình sẵn, với các Scripts này chúng ta có thể dễ dàng tạo Album ảnh từ một Folder hình, hoặc tạo soạn lịch tự động ngay trong Indesign. Điểm nổi bật của Adobe Indesign chính là tính đa dạng, tiện dụng và cách trình bày menu, pallette, Control, Command Bar một cách khoa học giúp cho cho việc truy cập và dàn trang một cách thuận tiện và nhanh chóng.

Ý tưởng thiết kế: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những đặc điểm và những nguyên lý sáng tạo trong các loại hình nghệ thuật trong lĩnh vực Mỹ thuật. Các yếu tố và các nguyên lý thị giác. Quy trình và đặc điểm của tư duy thị giác. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật và vai trò của ý tưởng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Vai trò của tiềm thức, ý thức, thế giới quan, nhân sinh quan trong quá trình hình thành và thể hiện ý tưởng trong tác phẩm nghệ thuật.

Kỹ thuật 3D – Căn bản: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: SketchUp là phần mềm 3D dễ học, tốn ít thời gian. Để đơn giản và hiệu quả, SketchUp trực quan hóa mọi hoạt động tương tự như khi vẽ tay. Đơn vị cơ bản trong SketchUp là đường – mặt với chuỗi thao tác vẽ, chia, nối, di chuyển, xoay, thu phóng, nâng khối, cắt khối, trượt dẫn, tô màu, áp vật liệu, vẽ địa hình, thêm cảnh quan, giả lập bóng đổ, xuất ảnh, làm slide show ... các hoạt động này đều trực quan trong môi trường 3D. Mọi tính năng chỉ được xây dựng vừa đủ dùng nhưng khả năng thể hiện ý tưởng sơ phác khá hiệu quả.

Kỹ thuật xử lý hậu kỳ: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Không thể phủ nhận vai trò đóng góp của Premiere Pro, trong nỗ lực xã hội hóa một trong những lĩnh vực mà một thời được cho là chuyên biệt, đó chính là lĩnh vực biên tập video. Ngày nay với sự hỗ trợ của Premiere pro, người ta có thể dễ dàng xử lý, biên tập và xuất bản những sản phẩm hình ảnh của họ ngay tại gia đình, hoặc trên một máy tính cá nhân với cấu hình tương đối. Premiere Pro trở thành một cái tên quen thuộc và có phần bình dân. Hơn nữa do xuất thân của Premiere Pro từ gia đình Adobe nên khả năng tương tác sâu với các thành viên khác như Photoshop, Ai, After effects đã tạo nên một sức mạnh tương hỗ đáng kể.

Thiết kế và minh họa sách: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế đồ họa sách. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế giao diện Web: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Adobe Dreamweaver (trước đây là Macromedia Dreamweaver), được dùng để chỉ chương trình sáng tạo đa phương tiện (multimedia) lẫn phần mềm dùng để hiển thị chúng Macromedia Flash Player. Chương trình điện toán này được viết và phân phối bởi Adobe Systems (công ty đã mua Macromedia). Dreamweaver dùng kỹ thuật lập trình CSS. Ngoài ra Dreamweaver còn có một ngôn ngữ văn lệnh riêng gọi là CSS và có khả năng truyền và tải luồng âm thanh hoặc hình ảnh.

Thiết kế đồ họa phim quảng cáo - TVC: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên sau khi thu nhận các kiến thức từ môn học này sẽ có các kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông trên các phương tiện truyền hình, web động... Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực như: quảng cáo cho truyền hình, media, phim ngắn quảng cáo (short Ad - TVC) trên các phương tiện giao thông, website...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, nắm bắt một cách cơ bản các kỹ thuật phần mềm thiết kế liên quan tới lĩnh vực media: Adobe Premiere.

Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện công cộng: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông, công cộng. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực như: hội chợ, sự kiện quảng bá...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Viết kịch bản và phân cảnh quảng cáo: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Là một sản phẩm được chuyển thể từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ hình ảnh, nói cách khác là dựa trên nội dung kịch bản cụ thể của từng phân đoạn phim, người họa sĩ sẽ chuyển thể những kịch bản viết đó ra thành những phác họa như một cuốn truyện tranh, trong đó hội tụ đầy đủ góc máy, trang phục... Vai trò của StoryBoard được xem như một kịch bản bằng hình, nơi người ta thể hiện hình ảnh, bối cảnh, đường dây câu chuyện cũng như trạng thái cảm xúc của từng nhân vật được thể hiện trong mỗi cảnh quay. Khi bạn làm việc với Storyboard bạn sẽ có những thuận lợi không thể chối bỏ đó chính là sự chủ động và bối cảnh, góc máy, diễn xuất...như đã nói ở trên, đó chính là những yếu tố quan trọng cấu thành nên một sản phẩm, một tác phẩm điện ảnh hoàn hảo, đó chính là điều lý giải vì sao các tác phẩm điện ảnh Hollywood luôn có những góc máy tuyệt đẹp. Không chỉ trong thế giới điện ảnh, mà trong lĩnh vực truyền hình mà đặc biệt là khâu sản xuất TVC quảng cáo, với một kịch bản 30 giây và nhiệm vụ phải hoàn thành là tạo nên một sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh, trong việc truyền tải thông tin đến khách hàng...

Đồ án chuyên ngành - Portfolio: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Mục đích tổng duyệt, khả năng phối hợp toàn bộ các kiến thức từ các học phần thiết kế trước. Trang bị cho sinh viên phương pháp thiết kế đồ án Tốt nghiệp từ việc chọn đề tài, tư duy, viết đề cương, tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của đề tài và đảm bảo khả năng thông tin tốt, ý tưởng độc đáo, tính thẩm mỹ đồ họa cao.

Đặc biệt là trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá, phản biện cho từng phương án thể hiện của chính mình.

Các kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về: màu sắc, tín hiệu, bề mặt, đồ họa trang trí...

Thiết kế lịch và thiệp: 3 (15, 60, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Khái niệm về Lịch – Thiệp & Sơ nét về lịch sử ra đời. Các đặc điểm về hình dáng, kích thước, cấu trúc trong các thể loại Lịch – Thiệp; Vai trò và công năng của các loại Lịch – Thiệp; Xu hướng thiết kế các loại Lịch – Thiệp mới cùng các hình thức sáng tạo; Các quy định về thiết kế các loại Lịch – Thiệp; Các quy trình và Phương pháp thiết kế các loại Lịch – Thiệp; Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế bộ lịch quảng cáo cho mọi sản phẩm hay các sự kiện lớn nhỏ. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực khác nhau. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế..

Thiết kế Ảnh động: 3 (15, 60, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Adobe Flash (trước đây là Macromedia Flash và trước đó FutureSplash), hay còn gọi một cách đơn giản là Flash, được dùng để chỉ chương trình sáng tạo đa phương tiện (multimedia) lẫn phần mềm dùng để hiển thị chúng Macromedia Flash Player. Chương trình điện toán này được viết và phân phối bởi Adobe Systems (công ty đã mua Macromedia). Flash dùng kỹ thuật đồ họa vector và đồ họa điểm (raster graphics). Ngoài ra Flash còn có một ngôn ngữ văn lệnh riêng gọi là ActionScript và có khả năng truyền và tải luồng âm thanh hoặc hình ảnh. Đứng ra thì từ Macromedia Flash nên được dùng để chỉ chương trình tạo ra các tập tin Flash. Còn từ Flash Player nên được dành để chỉ ứng dụng có nhiệm vụ thi hành hay hiển thị các tập tin Flash đó. Tuy vậy, chữ Flash được dùng để chỉ cả hai chương trình.

Thực tập tốt nghiệp: 5 (0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động sản xuất đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thu thập các tài liệu – tư liệu dưới dạng: hình ảnh, ký họa, ghi chép, sưu tầm tư liệu, các đoạn video clip, âm thanh... Tất cả các tài liệu trên đều phải liên quan đến các hoạt động của công ty trên như: lao động – nhân lực, quy trình sản xuất, cơ chế hoạt động của máy móc, đặc trưng cơ bản của sản phẩm hay công ty...

Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp: 9 (15, 240)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên tự chọn, tiếp cận, nghiên cứu, thể hiện hệ thống đồ họa cho một công ty, xí nghiệp, đơn vị, sự kiện hay sản phẩm. Qua đó sinh viên thể hiện được sự độc lập tư duy sáng tạo, thiết lập được hệ thống ý tưởng cho từng khối lượng bài về poster, lịch treo tường, logo, hệ thống nhận diện thương hiệu (hay hệ thống nhận diện sản phẩm – C.I.P) và các hình thức truyền thông quảng cáo khác như: banners, lịch để bàn, thư mời, catalogue, bao bì..., đạt yêu cầu về thẩm mỹ đồ họa và giá trị truyền thông tốt.

- Vai trò và phương pháp lập đề cương Tốt nghiệp

- Tư duy về đề tài tốt nghiệp.
- Phương pháp xác định ý tưởng – Hệ thống ý tưởng.
- Phương pháp nghiên cứu – Sử dụng tư liệu.
- Các hướng triển khai đề tài – Phác thảo.
- Phân tích và triển khai các thiết kế dựa trên phác thảo.
- Các phương pháp diễn tả nội dung – ý tưởng vào thiết kế.
- Hoàn thiện quy trình thực hiện Đồ án tốt nghiệp cuối khóa.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

[Signature]

P. TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Trần Quốc Tuấn

